

Số: 1369/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 8 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Sửa đổi, bổ sung 06 thủ tục hành chính ban hành tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng (số thứ tự 1 Mục III, số thứ tự 1 Mục IV Phần A; số thứ tự 1 Mục III, số

thứ tự 1 Mục IV Phần B; số thứ tự 1 Mục III, số thứ tự 1 Mục IV Phần C) và thay thế Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra thực hiện tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *me*

**Nơi nhận:** *hh*

- VP. Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Hiệp**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1369 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)*



**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH</b>						
<b>Lĩnh vực tiếp công dân</b>						
1	Tiếp công dân cấp tỉnh Mã TTHC 1.010943	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Trụ sở Tiếp công dân cấp tỉnh; - Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.	Trực tiếp	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; - Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

<b>Lĩnh vực xử lý đơn</b>						
1	Xử lý đơn tại cấp tỉnh Mã TTHC 2.002499	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Trụ sở Tiếp công dân tỉnh; - Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; - Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
<b>II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN</b>						
<b>Lĩnh vực tiếp công dân</b>						
1	Tiếp công dân cấp tại huyện Mã TTHC 1.010944	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố	- Trụ sở Tiếp công dân cấp huyện;	Trực tiếp	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày

		cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.			01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ; - Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ.
<b>Lĩnh vực xử lý đơn</b>						
1	Xử lý đơn tại cấp huyện Mã TTHC 2.001879	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Trụ sở Tiếp công dân cấp huyện; - Các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ; - Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ.
<b>III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ</b>						
<b>Lĩnh vực tiếp công dân</b>						
1	Tiếp công dân tại cấp xã Mã TTHC 2.001909	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Trụ sở Tiếp công dân UBND cấp xã	Trực tiếp	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ; - Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ.



Lĩnh vực xử lý đơn						
1	Xử lý đơn tại cấp xã Mã TTHC 2.001801	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Trụ sở Tiếp công dân UBND cấp xã	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khiếu nại năm 2011;</li> <li>- Luật Tố cáo năm 2018;</li> <li>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ.</li> </ul>

## B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### 1. Thủ tục tiếp công dân

Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc

Bước thực hiện	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
<b>B1</b>	Xác định nhân thân của công dân	Người tiếp công dân tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	0,5 ngày làm việc
<b>B2</b>	Tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Người tiếp công dân tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	0,5 ngày làm việc
<b>B3</b>	Phân loại, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại nơi tiếp công dân	Người tiếp công dân tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	08 ngày làm việc
<b>B4</b>	Trả kết quả giải quyết	Người tiếp công dân, Văn thư hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	01 ngày làm việc

## 2. Thủ tục xử lý đơn

Thời gian xử lý: 10 ngày

Bước thực hiện	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận đơn	Văn thư hoặc Bộ phận tiếp nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị	01 ngày
B2	Phân loại, xử lý đơn	Người xử lý đơn của cơ quan, tổ chức, đơn vị	08 ngày
B3	Trả kết quả giải quyết	Người xử lý đơn; Văn thư hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	01 ngày

## 3. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu

Thời gian xử lý:

- Không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc không phức tạp
- Không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp
- Không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn
- Không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn

Bước thực hiện	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Thụ lý giải quyết khiếu nại	Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu	10 ngày làm việc

<b>B2</b>	Xác minh nội dung khiếu nại	Người giải quyết khiếu nại lần đầu; Người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại lần đầu	10 ngày đối với vụ việc không phức tạp; 25 ngày đối với vụ việc phức tạp hoặc vụ việc ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn; 40 ngày đối với vụ việc phức tạp ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn
<b>B3</b>	Tổ chức đối thoại	Người giải quyết khiếu nại lần đầu	10 ngày
<b>B4</b>	Ký duyệt quyết định giải quyết khiếu nại	Người giải quyết khiếu nại lần đầu	09 ngày
<b>B5</b>	Trả kết quả giải quyết	Văn thư hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	01 ngày

#### 4. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai

Thời gian xử lý:

- Không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc không phức tạp
- Không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp
- Không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn
- Không quá 70 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn

<b>Bước thực hiện</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>
<b>B1</b>	Thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai	Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai	10 ngày làm việc
<b>B2</b>	Xác minh nội dung khiếu nại	Người giải quyết khiếu nại lần hai; Người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại lần hai	15 ngày đối với vụ việc không phức tạp; 30 ngày đối với vụ việc phức tạp hoặc vụ việc ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn;



			40 ngày đối với vụ việc phức tạp ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn
<b>B3</b>	Tổ chức đối thoại	Người giải quyết khiếu nại lần hai hoặc người được phân công đối thoại	10 ngày
<b>B4</b>	Ra quyết định giải quyết khiếu nại	Người giải quyết khiếu nại lần hai	19 ngày
<b>B5</b>	Trả kết quả giải quyết	Văn thư hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	01 ngày

### 5. Thủ tục giải quyết tố cáo:

Thời gian xử lý:

- Không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc không phức tạp
- Không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp
- Không quá 90 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc đặc biệt phức tạp

<b>Bước thực hiện</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>
<b>B1</b>	Thụ lý tố cáo	Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo	10 ngày làm việc
<b>B2</b>	Xác minh nội dung tố cáo	Người xác minh nội dung tố cáo	20 ngày đối với vụ việc không phức tạp; 50 ngày đối với vụ việc phức tạp; 80 ngày đối với vụ việc đặc biệt phức tạp
<b>B3</b>	Ký duyệt kết luận nội dung tố cáo	Người giải quyết tố cáo	09 ngày
<b>B4</b>	Trả kết quả giải quyết	Văn thư hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	01 ngày

### 6. Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập

Thời gian xử lý: Không quá 35 ngày.

Bước thực hiện	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
<b>B1</b>	Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập và hướng dẫn việc kê khai	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập	Trong khoảng thời gian 10 ngày trước ngày phải hoàn thành việc kê khai
<b>B2</b>	Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập	20 ngày
<b>B3</b>	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập	05 ngày

### 7. Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập

Thời gian xử lý:

- Không quá 60 ngày kể từ ngày ban hành quyết định xác minh đối với trường hợp không phức tạp
- Không quá 115 ngày kể từ ngày ban hành quyết định xác minh đối với trường hợp phức tạp

Bước thực hiện	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
<b>B1</b>	Ban hành quyết định xác minh và thành lập Tổ xác minh tài sản, thu nhập	Lãnh đạo Thanh tra tỉnh	15 ngày
<b>B2</b>	Yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình	Tổ xác minh tài sản, thu nhập	05 ngày

<b>B3</b>	Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập	Tổ xác minh tài sản, thu nhập	25 ngày đối với trường hợp không phức tạp; 70 ngày đối với trường hợp phức tạp
<b>B4</b>	Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập	Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập	15 ngày
<b>B5</b>	Kết luận xác minh tài sản, thu nhập	Người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập	10 ngày đối với trường hợp không phức tạp; 20 ngày đối với vụ việc phức tạp
<b>B6</b>	Công khai kết luận xác minh tài sản, thu nhập	Người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập	05 ngày làm việc

#### 8. Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình

Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc

<b>Bước thực hiện</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>
<b>B1</b>	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình	01 ngày làm việc
<b>B2</b>	Thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu giải trình về việc giải quyết hoặc không giải quyết và nêu rõ lý do	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình	04 ngày làm việc

#### 9. Thủ tục thực hiện việc giải trình

Thời gian xử lý:

- Không quá 15 ngày đối với trường hợp không phức tạp
- Không quá 30 ngày đối với trường hợp phức tạp



<b>Bước thực hiện</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>
<b>B1</b>	Thu thập, xác minh thông tin có liên quan	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình	05 ngày đối với trường hợp không phức tạp; 15 ngày đối với trường hợp phức tạp
<b>B2</b>	Làm việc trực tiếp với người yêu cầu giải trình (khi cần thiết)	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình	04 ngày
<b>B3</b>	Ban hành văn bản giải trình	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình	05 ngày đối với trường hợp không phức tạp; 10 ngày đối với trường hợp phức tạp
<b>B4</b>	Gửi văn bản giải trình đến người yêu cầu giải trình	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình	01 ngày